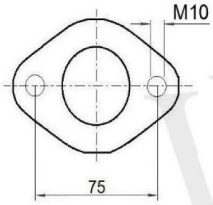
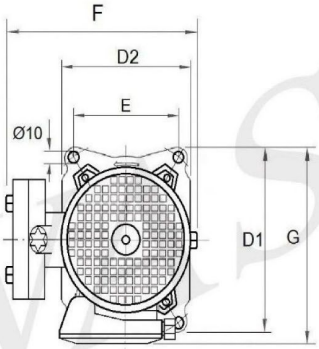
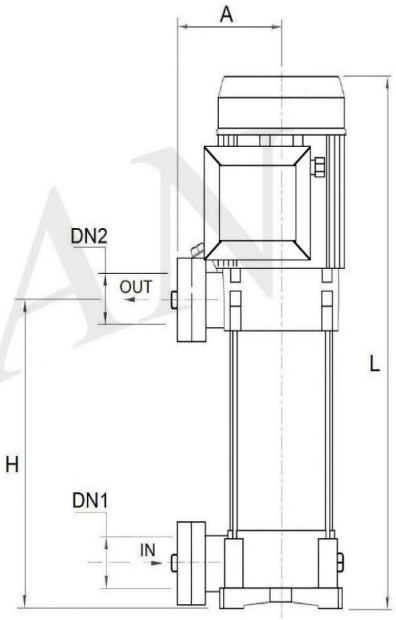
MÁY BƠM TRỤC ĐỨNG

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



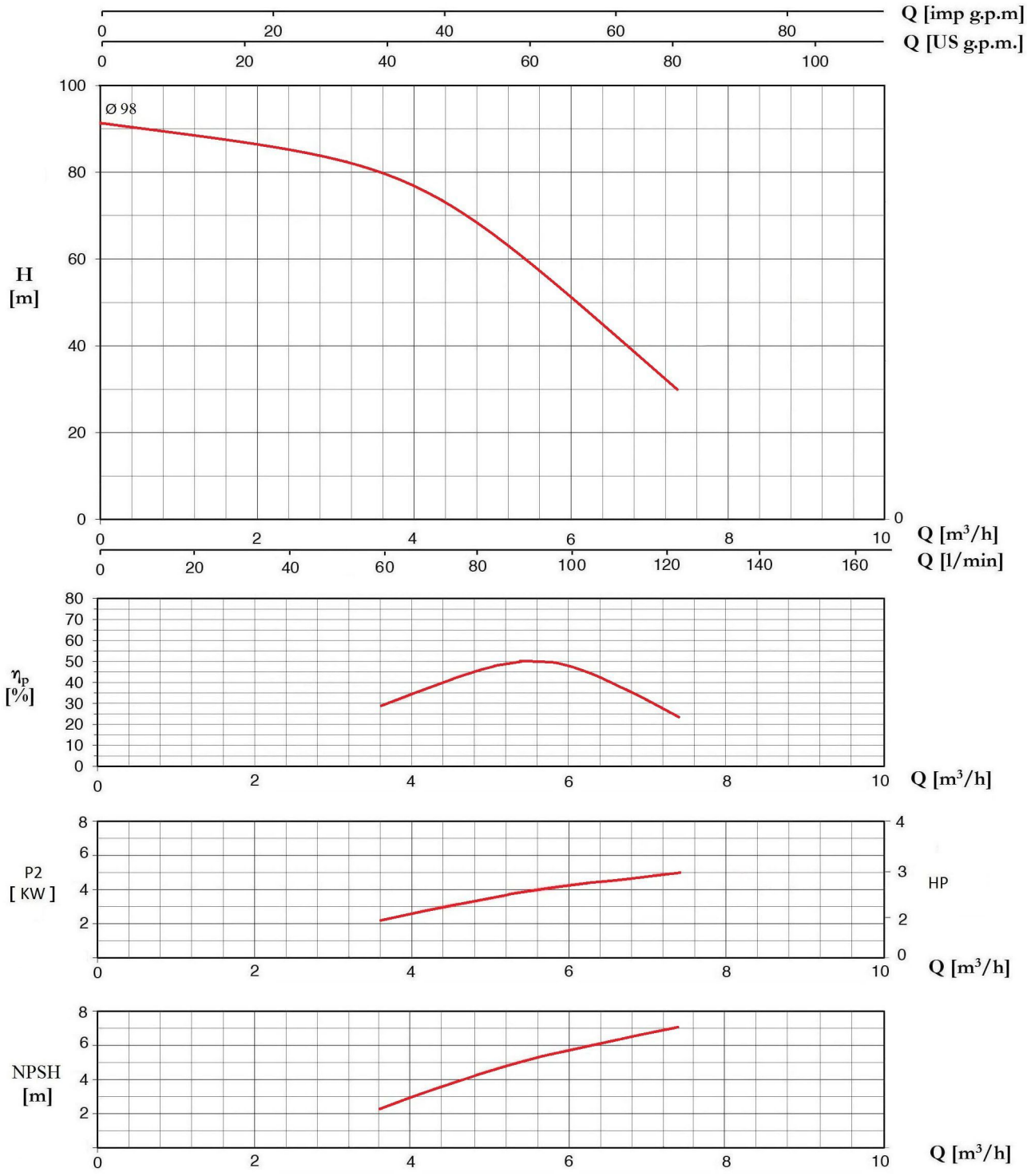






ATL - 300/6T

~ 2900

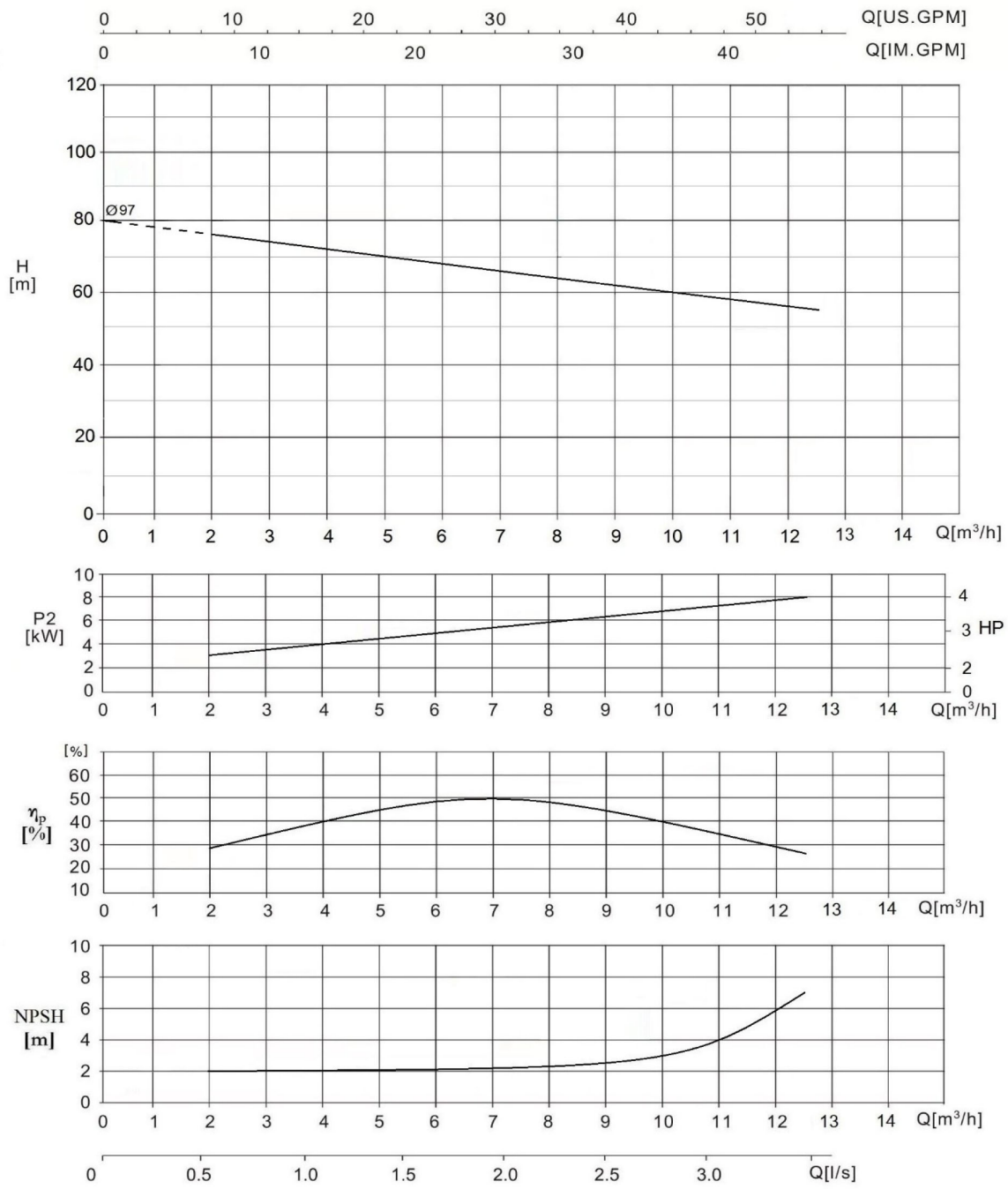


ATL	P2		A	Q(m³/h - l/min)									
3~			3~	0	3,65	3,95	4,62	5,11	5,65	6,18	6,40	7,03	7,38
				0	60.8	65.8	77	85.1	92.6	103	107	117	123
	(HP)	(KW)	3x400V 50Hz	H(m)									
ATL - 300/6T	3	2.2	5	100	80,0	75,0	70,1	65,2	60,3	55,0	50,8	45,8	30,3

Bơm trục đứng cánh nhựa
Chuẩn loại: màu xanh & màu đỏ

ATL - 400/8T

~ 2900 r.p.m



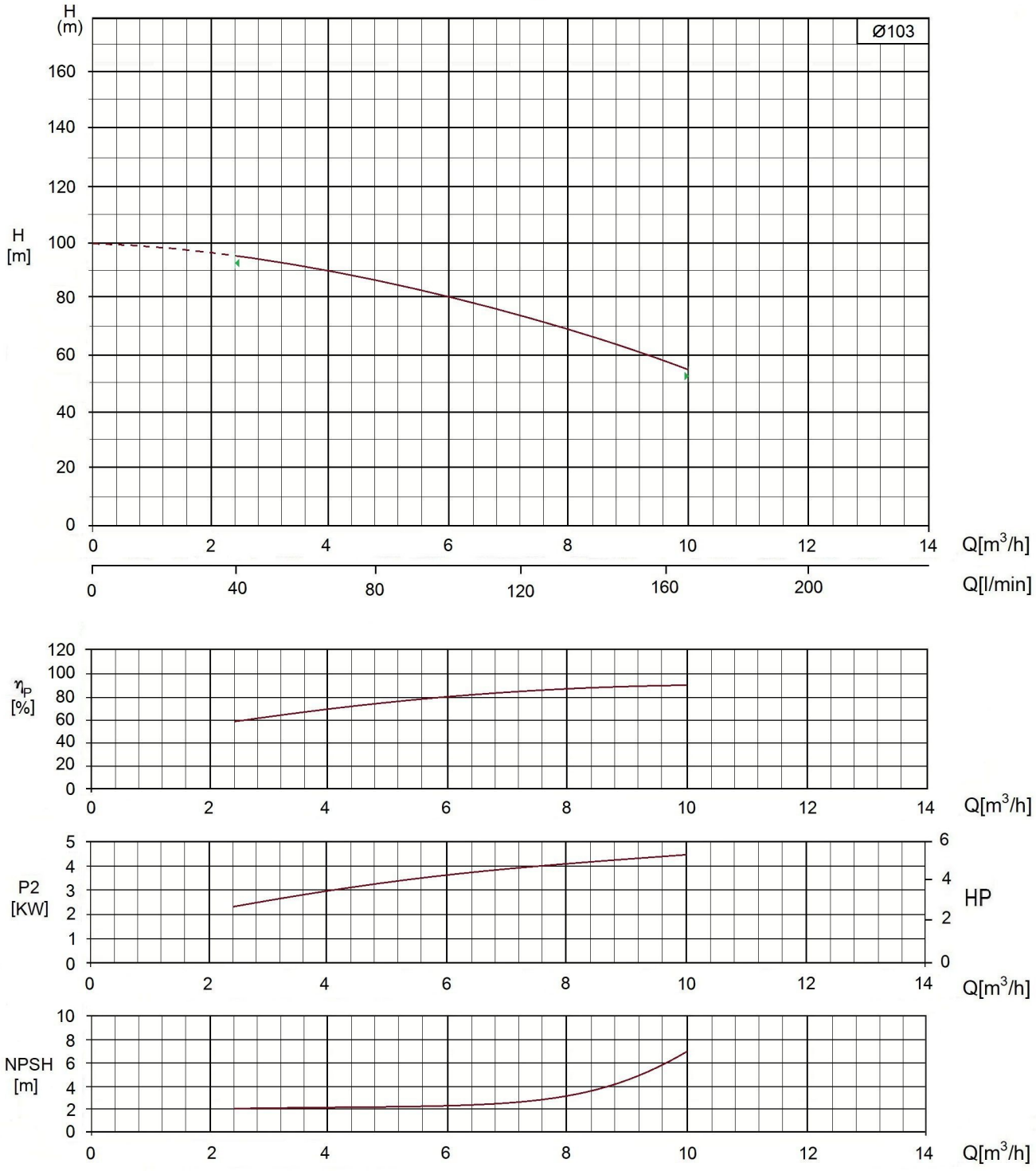
ATL	P2		A	Q(m³/h-l/min)							
3~			3~	0	2.00	6.04	8.15	9.50	10.6	11.6	12.5
				0	33	101	136	158	177	193	208
	kw	hp	3x400V 50Hz	H(m)							
ATL - 400/8T	3	4	5.7	80.1	75.1	72.2	70.1	68.3	65.2	60.1	55.0

Bơm trục đứng cánh nhựa
Chuẩn loại: màu xanh & màu đỏ

ALTERLY
Water Pumps

ATL - 550/10T

~2900r.p.m

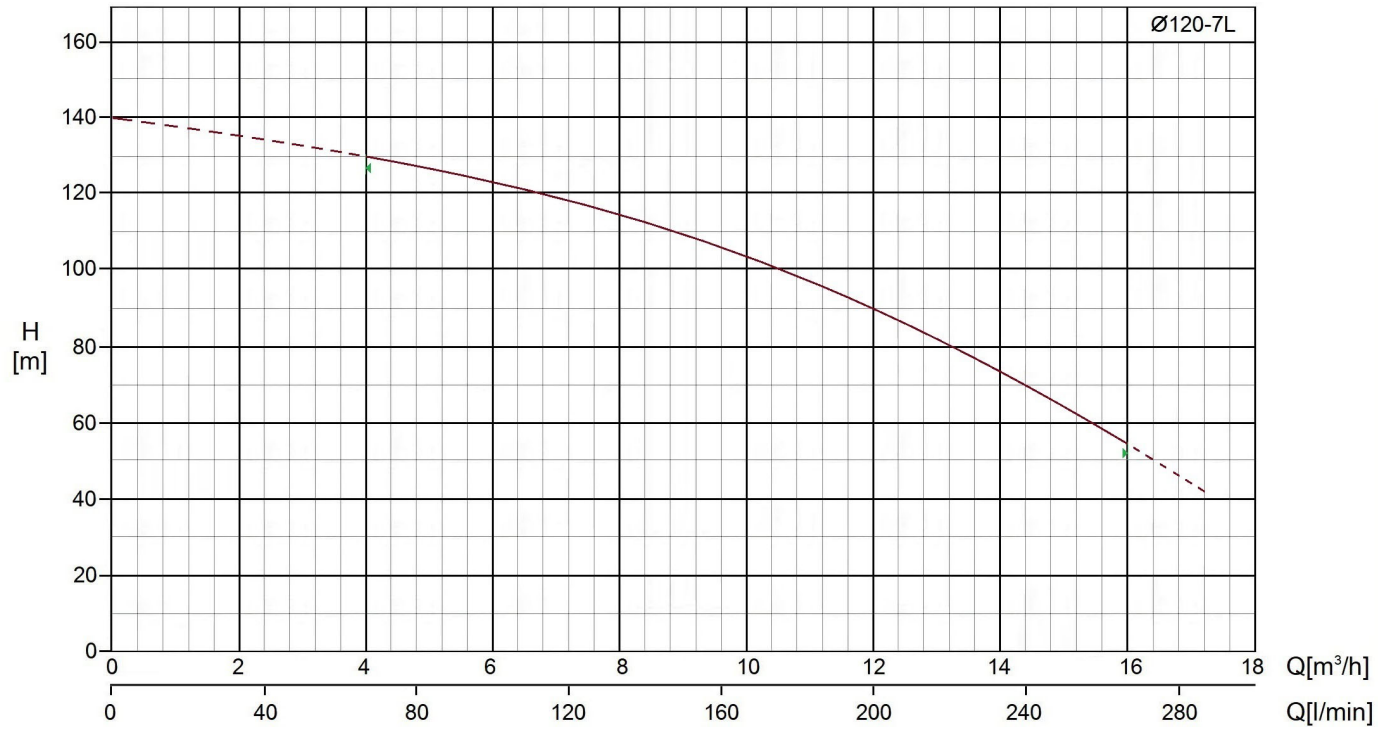


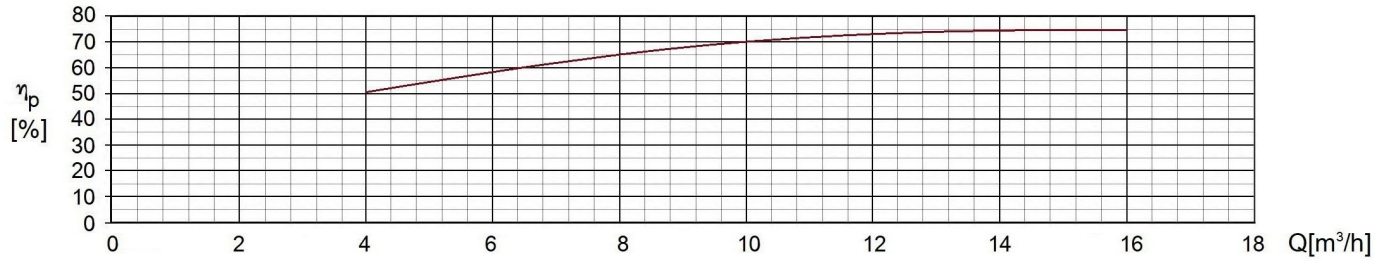
ATL	P2		Q(m³/h - l/min)									
3~			0	2.4	3.6	5.0	6.0	7.0	7.6	8.4	9.0	10
			0	40	60	83.3	1000	117	127	140	150	167
	HP	KW	H(m)									
ATL - 550/10T	5.5	4	100	95.0	90.0	85.0	80.0	75.0	70.0	65.0	60.0	55.0

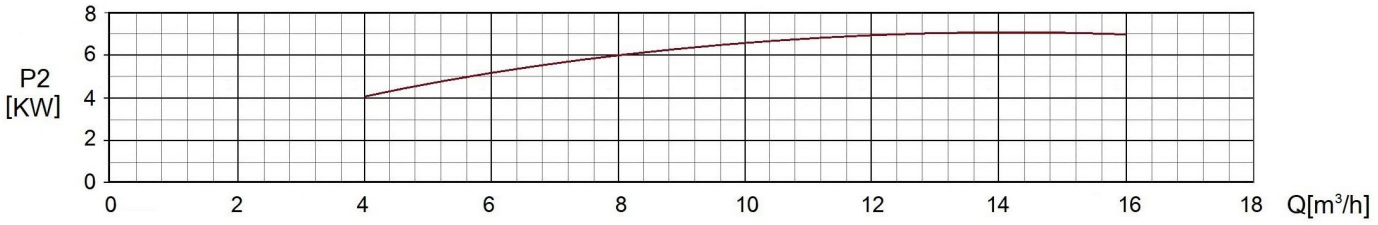
ALTERLY Water Pumps

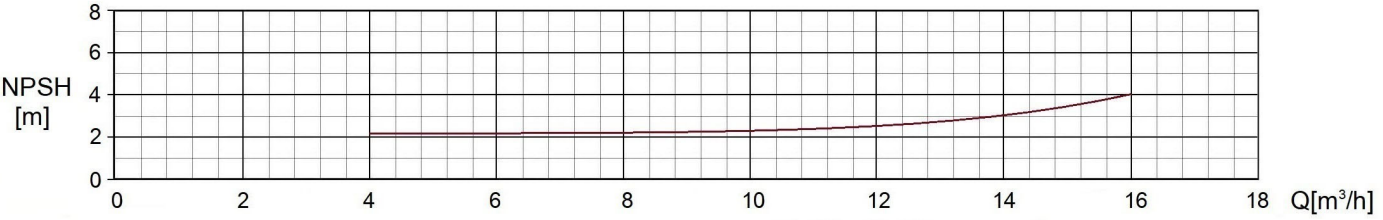
ATL - 16-6

~2900rpm







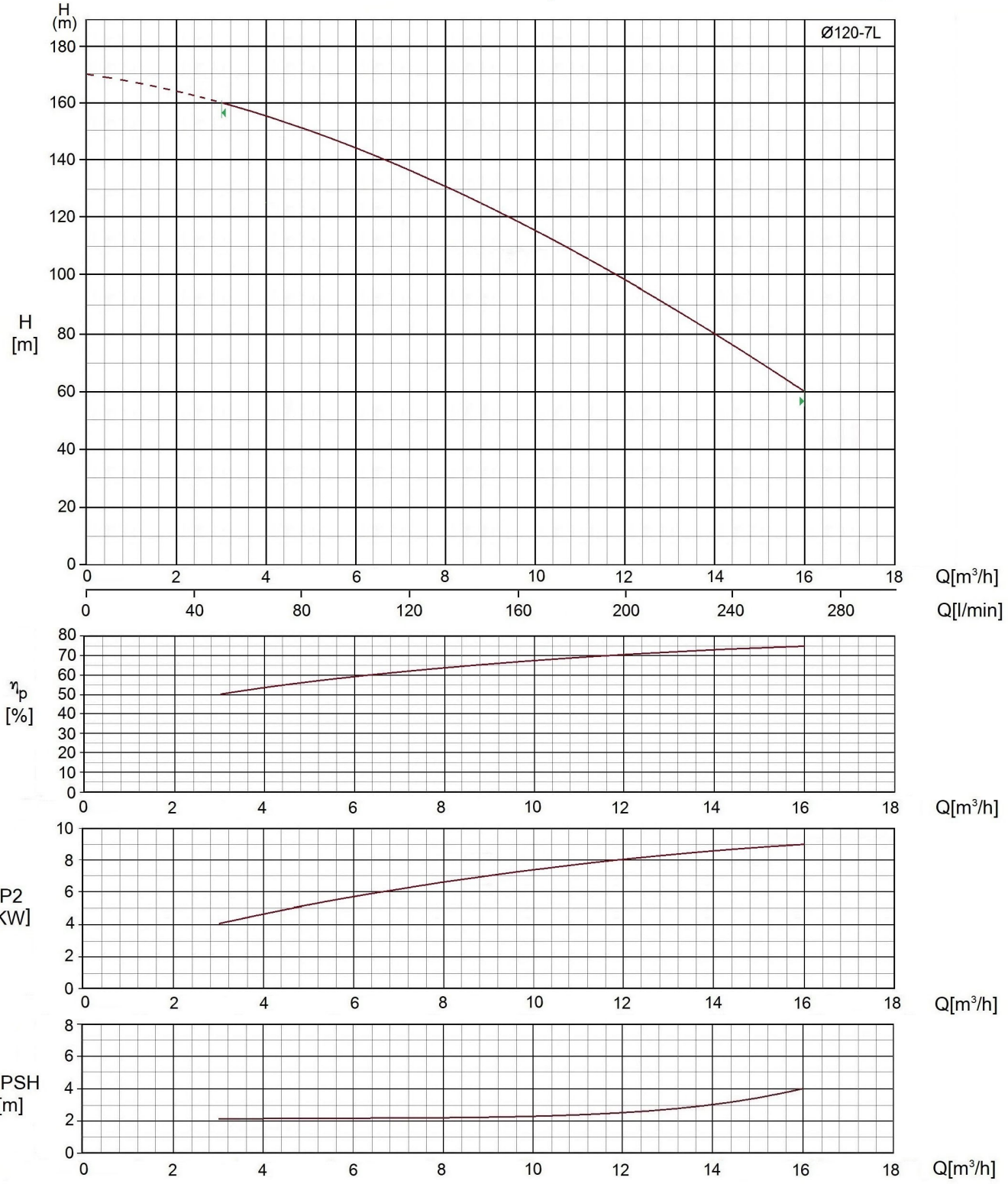


ATL	P2		Q(m³/h - l/min)									
3~			0	4.0	6.5	8.0	9.5	11	12	13	15	16
			0	67	108	133	158	183	200	217	250	267
	KW	HP	H(m)									
ATL 16 - 6	5.5	7.5	140	130	120	113	105	95	90	80	65	55

ALTERLY Water Pumps

ATL - 900/10T

~2900r.p.m



ATL	P2		Q(m³/h - l/min)											
3~			0	3	5	7	8	9	10	11	12	13	14	16
			0	50	83	117	133	150	167	183	200	217	233	267
	KW	HP	H(m)											
ATL - 900/10T	7.5	10	170	160	150	140	130	125	115	105	95	80	70	60

Chuẩn loại cánh nhựa